

名古屋市営バス 野並営業所 配置車両一覧 69両																																		
局番	車台形式	購入年月	配置営業所																			局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考					
			H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8									H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4
NH-78	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			野並	NH-78	1795	Jbus	AT	○							
NH-79	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			野並	NH-79	1796	Jbus	AT	○					レトロカラー(R4.11~)		
NH-135	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			野並	NH-135	1860	Jbus	AT	○							
NH-136	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			野並	NH-136	1861	Jbus	AT	○							
NH-153	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			野並	NH-153	1912	Jbus	AT	○							
NH-176	PDG-KV234N2	H19 12	新製																			猪高	野並	NH-176	2034	Jbus	AT	○						
NH-177	PDG-KV234N2	H19 12	新製																			猪高	野並	NH-177	2035	Jbus	AT	○						
NH-198	PDG-KV234N2	H19 12	新製																			稲西	野並	NH-198	2040	Jbus	AT	○						
NH-199	PDG-KV234N2	H19 12	新製																			稲西	野並	NH-199	2041	Jbus	AT	○						
NH-200	PDG-KV234N2	H19 12	新製																			稲西	野並	NH-200	2060	Jbus	AT	○						
NH-201	PDG-KV234N2	H19 12	新製																			稲西	野並	NH-201	2061	Jbus	AT	○						
NH-202	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			稲西	野並	NH-202	2076	Jbus	AT	○						
NH-304	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																			緑	野並	NH-304	2881	Jbus	MT	○	○					
NH-305	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																			緑	野並	NH-305	2882	Jbus	MT	○	○				貸切(H30~)	
NH-306	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																				野並	NH-306	2882	Jbus	MT	○	○					
NH-307	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																				野並	NH-307	2863	Jbus	MT	○	○					
NH-308	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																				野並	NH-308	2868	Jbus	MT	○	○					
NMH-18	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製																				野並	NMH-18	2940	Jbus	AT	○					お絵かきバス(R1.8)	
NF-460	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			野並	NF-460	4589	MBM	AT	○	○						
NF-461	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			野並	NF-461	4578	MBM	AT	○	○						
NF-462	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			野並	NF-462	4593	MBM	AT	○	○						
NF-463	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			野並	NF-463	4605	MBM	AT	○	○						
NF-464	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			野並	NF-464	4614	MBM	AT	○	○						
NF-465	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			野並	NF-465	4627	MBM	AT	○	○						
NF-548	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																			野並	NF-548	4747	MBM	AT	○	○						
NF-549	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																			野並	NF-549	4768	MBM	AT	○	○						
NF-550	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																			野並	NF-550	4779	MBM	AT	○	○						
NF-551	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																			野並	NF-551	4786	MBM	AT	○	○						
NF-552	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																			野並	NF-552	4792	MBM	AT	○	○						
NF-553	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																			野並	NF-553	4817	MBM	AT	○	○						
NS-81	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			稲西	野並	NS-81	2113	Jbus	AT	○						
NS-82	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			稲西	野並	NS-82	2114	Jbus	AT	○						
NS-83	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			稲西	野並	NS-83	2134	Jbus	AT	○						
NS-84	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			稲西	野並	NS-84	2135	Jbus	AT	○						
NS-85	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			稲西	野並	NS-85	2152	Jbus	AT	○						
NS-86	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			稲西	野並	NS-86	2153	Jbus	AT	○						
NS-100	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			中川	野並	NS-100	2139	Jbus	AT	○					お絵かきバス(R5.10)	
NS-101	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			中川	野並	NS-101	2158	Jbus	AT	○						
NS-115	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			如意	野並	NS-115	2122	Jbus	AT	○						
NS-116	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			如意	野並	NS-116	2125	Jbus	AT	○						
NS-117	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			如意	野並	NS-117	2126	Jbus	AT	○						
NS-118	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			如意	野並	NS-118	2162	Jbus	AT	○						
NS-141	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			猪高	野並	NS-141	2131	Jbus	AT	○						
NS-142	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製																			猪高	野並	NS-142	2132	Jbus	AT	○						

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																								局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
			H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4								
NS-267	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												野並												NS-267	3044	Jbus	AMT	○	○		
NS-268	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												野並												NS-268	3045	Jbus	MT	○	○		
NS-269	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												野並												NS-269	3055	Jbus	MT	○	○		
NS-328	2KG-LV290N2	H29 11-12	新製												鳴尾						野並						NS-328	3886	Jbus	AMT	○	○		
NS-361	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製												野並												NS-361	3928	Jbus	AMT	○	○		
NS-362	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製												野並												NS-362	3932	Jbus	AMT	○	○		
NS-363	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製												野並												NS-363	3936	Jbus	AMT	○	○		
NS-364	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製												野並												NS-364	3939	Jbus	AMT	○	○		
NS-365	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製												野並												NS-365	3943	Jbus	AMT	○	○		
NS-366	2KG-LV290N2	H30 2-3	新製												野並												NS-366	3945	Jbus	AMT	○	○		
NS-386	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												野並												NS-386	4057	Jbus	AT	○	○		
NS-387	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												野並												NS-387	4082	Jbus	AT	○	○		
NS-388	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												野並												NS-388	4088	Jbus	AT	○	○		
NS-423	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製												野並						NS-423	4456	Jbus	AT	○	○								
NS-424	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製												野並						NS-424	4468	Jbus	AT	○	○								
NS-425	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製												野並						NS-425	4478	Jbus	AT	○	○								
NMS-95	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製												大森						野並						NMS-95	2707	Jbus	AT	○			
NMS-109	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製												野並												NMS-109	4038	Jbus	AMT	○	○		
NMS-110	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製												野並												NMS-110	4047	Jbus	AMT	○	○		
NMS-111	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製												野並												NMS-111	4053	Jbus	AMT	○	○		
NMS-112	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製												野並												NMS-112	4069	Jbus	AMT	○	○		
NMS-155	2KG-LR290J4	R1 12	新製												野並												NMS-155	4206	Jbus	AMT	○	○		
NMS-179	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												野並												NMS-179	4337	Jbus	AT	○	○		
NMS-180	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												野並												NMS-180	4352	Jbus	AT	○	○		
NMS-181	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												野並												NMS-181	4364	Jbus	AT	○	○		